TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tôn.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án N dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án N dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2026/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 1173/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; cư trú tại xóm T, thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; căn cước công dân số 052191000000; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1988; cư trú tại xóm H, thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn N kết hôn vào ngày 29 tháng 10 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai. Trước khi kết hôn, giữa chị và anh nhân có tìm

hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh N sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh N không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con dẫn đến chị và anh N thường xuyên xảy ra kình cãi với nhau; không còn ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, không thể nào tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Trần Văn N có hai người con chung gồm Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 và Trần Bảo An K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2022. Chị yêu cầu giao con chung là Trần Bảo An K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao Trần Nguyễn Đăng K cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo An K; anh Trần Văn N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Đăng K. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị. Chị xác định hiện nay vợ chồng của chị không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp L cho bị đơn anh Trần Văn N tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Trần Văn N không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn N và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn N; giao con chung của chị Nguyễn Thị L và anh Trần

Văn N là cháu Trần Nguyễn Đăng K cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Bảo An K cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay anh Trần Văn N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Đăng K; chị Nguyễn Thị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo An K. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Văn N xóm H, thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N kết hôn vào ngày 29 tháng 10 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2012. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật hôn N và gia đình năm 2000 nên hôn N giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N là hôn N hợp pháp. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L cho rằng sau khi kết hôn giữa chị và anh N sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh N không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con dẫn đến chị và anh N thường xuyên xảy ra kình cãi với nhau; không còn ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh N để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng chị

L và anh N nhưng chị L không đồng ý đoàn tụ; anh N không đến Tòa để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn N giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn N và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho chị L được ly hôn với anh N.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N có hai người con chung là cháu Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 và cháu Trần Bảo An K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2022. Chị L yêu cầu giao cháu Trần Nguyễn Đăng K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Bảo An K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tuy anh N không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu trên của chị L nhưng hiện nay anh N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Đăng K, cháu K có nguyện vọng sống cùng với anh N; chị Nguyễn Thị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo An K. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các các cháu, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn N và gia đình năm 2014 giao cháu K cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L và anh N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Chị L và anh N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau. Khi cần thiết chị L và anh N đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn N và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ hôn N:

2.1. Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Trần Văn N.

2.2. Quan hệ hôn N giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2012 do Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai chứng nhận ngày 29 tháng 10 năm 2012 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N là cháu Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2013 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Bảo An K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay anh Trần Văn N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Đăng K; chị Nguyễn Thị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo An K.

3.2. Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau. Khi cần thiết chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn N không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0000649 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15 tháng 5 năm 2026). Bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát N dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh